

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách và các nguồn khác năm 2024 của Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Tĩnh**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; và thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung thông tư 61/2017/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông báo số 49/TB-SLĐTBXH ngày 19/02/2025 về việc xét duyệt quyết toán ngân sách tháng 01, tháng 02 năm 2025 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Tổng hợp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách và các nguồn khác tháng 1, tháng 2 năm 2025 của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh (theo biểu đính kèm).

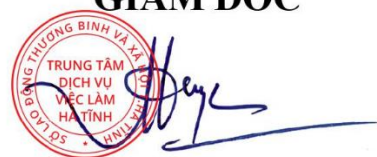
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và các Phòng ban liên quan thuộc Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu :VT, KT.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Thanh Hương**



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN THÁNG 1 VÀ THÁNG 2 NĂM 2025  
(Kèm theo Quyết định số: 282 /QĐ-TTĐVVL ngày 27/02/2025 của Trung tâm DVVL Hà Tĩnh)

ĐV tính: Đồng

| Số TT | Nội dung                               | Số liệu báo cáo quyết toán | Số liệu quyết toán được duyệt | Trong đó                                                  |                   |                   |          |
|-------|----------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|----------|
|       |                                        |                            |                               | Quỹ lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương | Mua sắm, sửa chữa | Trích lập các quỹ | Chi khác |
| I     | Quyết toán thu                         | 0                          | 0                             |                                                           |                   |                   |          |
| A     | Tổng số thu                            | 0                          | 0                             |                                                           |                   |                   |          |
| 1     | Số thu phí, lệ phí                     |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1.1   | Lệ phí                                 |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|       | Lệ phí cấp phép lao động nước ngoài    |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1.2   | Phí                                    |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 2     | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ     |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 3     | Thu sự nghiệp khác                     |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| B     | Chi từ nguồn thu được để lại           |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1     | Chi từ nguồn thu phí được để lại       |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1.1   | Chi sự nghiệp                          |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên         |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1.2   | Chi quản lý hành chính                 |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ       |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 2     | Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ         |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 3     | Hoạt động sự nghiệp khác               |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| C     | Số thu nộp NSNN                        |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1     | Số phí, lệ phí nộp NSNN                |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1.1   | Lệ phí                                 |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|       | Lệ phí cấp phép lao động nước ngoài    |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |

| Số TT | Nội dung                                         | Số liệu báo cáo quyết toán | Số liệu quyết toán được duyệt | Trong đó                                                  |                   |                   |          |
|-------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|----------|
|       |                                                  |                            |                               | Quỹ lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương | Mua sắm, sửa chữa | Trích lập các quỹ | Chi khác |
| 1.2   | Phí                                              |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 2     | Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ                   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 3     | Hoạt động sự nghiệp khác                         |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| II    | <b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>         | <b>0</b>                   | <b>0</b>                      | <b>0</b>                                                  | <b>0</b>          |                   |          |
| 1     | <b>Chi quản lý hành chính</b>                    |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                 |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ           |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 2     | <b>Nghiên cứu khoa học</b>                       |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|       | - <i>Nhiệm vụ KH công nghệ cấp quốc gia</i>      |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|       | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>      |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|       | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ TX theo chức năng              |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 3     | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b> |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 4     | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>    |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 4.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 4.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 5     | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                        | <b>0</b>                   | <b>0</b>                      | <b>0</b>                                                  |                   |                   | <b>0</b> |
| 5.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |                            | 0                             |                                                           |                   |                   |          |
| 5.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 6     | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                     |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 6.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 6.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 7     | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>           |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 7.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 7.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 8     | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>           |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |

| Số TT      | Nội dung                                                                                          | Số liệu báo cáo quyết toán | Số liệu quyết toán được duyệt | Trong đó                                                  |                   |                   |          |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|----------|
|            |                                                                                                   |                            |                               | Quỹ lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương | Mua sắm, sửa chữa | Trích lập các quỹ | Chi khác |
| 8.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                    |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 8.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                              |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                                           |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 9.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                    |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 9.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                              |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                                             |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 10.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                    |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 10.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                              |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| <b>11</b>  | <b>Chi Chương trình mục tiêu</b>                                                                  |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1          | Chi Chương trình mục tiêu quốc gia                                                                |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 1.1        | Chương trình MTQG giảm nghèo                                                                      |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|            | Hỗ trợ việc làm bền vững                                                                          | 0                          | 0                             |                                                           |                   |                   | 0        |
| 1.2        | Chương trình MTQG nông thôn mới                                                                   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|            | KP dự án ĐTN Lao động nông thôn                                                                   |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 2          | Chi Chương trình mục tiêu                                                                         |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| 2.1        | CTMT phát triển hệ thống trợ giúp xã hội                                                          |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|            | Dự án 3: Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về Bình đẳng giới                                 |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|            | DA phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em                                                              |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
|            | Dự án phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, mại dâm và nạn nhân bị buôn bán |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |
| <b>III</b> | <b>Quyết toán chi nguồn khác</b>                                                                  | <b>0</b>                   | <b>0</b>                      | <b>0</b>                                                  | <b>0</b>          | <b>0</b>          | <b>0</b> |
|            | Nguồn hoạt động SXKD, dịch vụ                                                                     |                            |                               |                                                           |                   |                   |          |





